

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thùy Linh

2. Ông Nguyễn Việt Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hương S, sinh năm 1982 (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn: Anh Tô Văn H, sinh năm 1977 (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Đào Thị T (vắng mặt)

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

2/ Bà Nguyễn Thị A (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

3/ Bà Trần Thị N (vắng mặt)

Trú tại: ấp H, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

4/ Bà Tô Kim B (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

5/ Bà Nguyễn Thị Th (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

6/ Bà Nguyễn Thị O (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

7/ Bà Nguyễn Thị Nh (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

8/ Ngân hàng H – Phòng giao dịch huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

Trú tại: ấp T, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

9/ Ngân hàng L – Phòng giao dịch quận Cái Răng, chi nhánh Cần Thơ (vắng mặt)

Trú tại: Số 161, phường L, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

10/ Ngân hàng S – Phòng giao dịch huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

Trú tại: ấp T, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương S trình bày: Chị và anh Tô Văn H kết hôn vào năm 2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do anh H ghen tuông vô cớ, thường xuyên kiểm chuyện với chị nên vợ chồng không còn hạnh phúc. Do vậy chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên Tô Nguyễn Hương V, sinh ngày 22/02/2001; Tô Nguyễn Hương G, sinh ngày 24/6/2004 và Tô Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 15/9/2012. Hiện các con đang sống với anh H. Chị để anh H tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ các chủ nợ như sau: Bà Đào Thị T 129.000.000 đồng; Bà Trần Thị N 37.000.000 đồng; bà Tô Kim B 10.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị A 9.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Nh 13.000.000 đồng; bà

Nguyễn Thị Th 10.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị O 25.000.000 đồng; Ngân hàng H huyện Châu Thành 32.000.000 đồng; Ngân hàng L quận Cái Răng 27.500.000 đồng; Ngân hàng S huyện Châu Thành ba khoản vay tổng cộng 292.000.000 đồng; nợ bà H (không biết địa chỉ, họ tên đầy đủ) 45.000.000 đồng. Chị tự đứng ra trả các khoản nợ của Ngân hàng H, bà N, bà B, bà A, bà Nh, bà Th, bà O, bà H. Đối với khoản nợ của bà Đào Thị T thì vợ chồng chia đôi trả. Khoản nợ Ngân hàng L và Ngân hàng S anh H tự đứng ra trả.

Tại các lời khai của bị đơn anh Tô Văn H trình bày: Anh và chị S chung sống và kết hôn vào năm 2000. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, do chị S tự bỏ nhà ra đi anh có kêu chị S về nhưng chị không về. Do còn thương vợ anh không muốn ly hôn, vợ chồng cùng chung sống để nuôi các con.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên Tô Nguyễn Hương V, sinh ngày 22/02/2001; Tô Nguyễn Hương G, sinh ngày 24/6/2004 và Tô Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 15/9/2012. Hiện các con đang sống với anh H. Anh H yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ các chủ nợ sau: Bà Đào Thị T 129.000.000 đồng; Ngân hàng L quận Cái Răng 27.500.000 đồng; Ngân hàng S huyện Châu Thành ba khoản vay tổng cộng 292.000.000 đồng. Đối với số nợ của bà T vợ chồng chia đôi trả. Nợ Ngân hàng L và nợ Ngân hàng S anh tự đứng ra trả.

Đối với các khoản nợ chị S khai gồm nợ của Ngân hàng H, bà N, bà B, bà A, bà Nh, bà Th, bà O, bà H. Khi vay anh không biết nên chị S tự trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trần Thị N trình bày: Bà có cho vợ chồng H, S mượn 35.000.000 đồng, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Bà Đào Thị T trình bày: Bà có cho vợ chồng H, S mượn 129.000.000 đồng, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Bà Tô Kim B trình bày: Bà có cho chị S mượn 9.500.000 đồng, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Ngân hàng H huyện Châu Thành trình bày: Ông H, bà S có vay của Ngân hàng 32.000.000 đồng, Ngân hàng không yêu cầu trong vụ án này.

Đại diện Ngân hàng L trình bày: Ông H, bà S có vay của Ngân hàng 27.450.000 đồng, Ngân hàng không yêu cầu trong vụ án này.

Tại văn bản ngày 17/10/2018, đại diện Ngân hàng S - chi nhánh tỉnh Hậu Giang trình bày: Chị S và anh H có vay tiền của Ngân hàng. Ngân hàng không thống nhất việc Chị S và anh H thỏa thuận chuyển toàn bộ trách nhiệm trả nợ cho anh H. Tuy nhiên, Ngân hàng không có yêu cầu trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để thể hiện ý kiến đối với khoản nợ mà nguyên đơn và bị đơn trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Hương S và anh Tô Văn H tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn, nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị S, thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do anh H ghen tuông vô cớ, vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn. Anh H thì cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế. Anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và muốn vợ chồng sống chung để nuôi con. Xét quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị S kiên quyết ly hôn. Và diễn biến tại phiên tòa cho thấy anh H và chị S đã không tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn lại mối quan hệ. Do anh H và chị S mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị S là có cơ sở.

[2] Quá trình sống chung chị S và anh H có ba con chung tên Tô Nguyễn Hương V, sinh ngày 22/02/2001; Tô Nguyễn Hương G, sinh ngày 24/6/2004 và Tô Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 15/9/2012. Hiện ba người con chung đang sống với anh H. Cháu V, cháu G có nguyện vọng sống với anh H, và cháu T hiện cũng đang sống chung với anh H. Để không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu và xét thấy anh H đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử giao ba con chung cho

anh H nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nên chị S chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về nợ: Đối với khoản nợ của bà H, do nguyên đơn, bị đơn không cung cấp họ tên đầy đủ và địa chỉ của đương sự nên Tòa án không đưa bà H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Còn các khoản nợ khác mà chị S và anh H đã khai, do không ai yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hương S phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hương S và anh Tô Văn H được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Tô Nguyễn Hương V, sinh ngày 22/02/2001; Tô Nguyễn Hương G, sinh ngày 24/6/2004 và Tô Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 15/9/2012 cho anh Tô Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu V, cháu G, cháu T tròn 18 tuổi. Chị S chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho chị S không ai được cản trở.

Về tài sản: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ: Không ai yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hương S phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị S đã đóng theo biên lai số 0017796 ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị S đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND xã Đ,
- h. Châu Thành, t. Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Ngô Huỳnh